TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 9 - 2017.
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2017/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978.
Cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.
Cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông C chung sống với bà Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện EK , tỉnh Đắk Lắk vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C thường buôn bán, làm thuê cho người khác, bà T ở nhà không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, bà T hay ghen tuông vô cớ cho rằng tôi có người phụ nữ khác. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, luôn nghi ngờ nhau. Khi làm ăn không thuận lợi thì bà T cho rằng ông C không

chịu lo lắng làm ăn nên yêu cầu ông C ra khỏi nhà. Những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên nguyện vọng của ông C là xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995; cháu Nguyễn Văn N, sinh năm: 1996 và cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 28/02/2005. Hiện nay cháu B, cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu L do cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ nên ông C đồng ý giao cháu L cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về trợ cấp nuôi con chung: Ông C đồng ý trợ cấp mỗi tháng 1.000.000đồng để bà T nuôi dưỡng con chung đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Thời gian trợ cấp từ tháng 10 năm 2017.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đương sự không kê khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T thừa nhận thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông Nguyễn Văn C trình bày là đúng. Năm 2015, vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn do việc làm ăn không thuận lợi, ông C có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình vợ con, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017. Tuy nhiên, bà T xác định bà vẫn còn tình cảm với ông C nên việc ông C xin ly hôn với bà thì bà T không đồng ý, mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995; cháu Nguyễn Văn N, sinh năm: 1996 và cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 28/02/2005. Hiện nay cháu B, cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu L bà T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về trợ cấp nuôi con chung: Bà T thống nhất với việc ông C trợ cấp mỗi tháng 1.000.000đồng để nuôi dưỡng con chung đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông C tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đương sự không kê khai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện EaKar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Phần tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Bị đơn bà Nguyễn Thị T không đồng ý ly hôn.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a,khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 28/02/2005 cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về trợ cấp nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng để bà T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L đến khi đủ 18 tuổi. Về chia tài sản chung, nợ chung: bà T, ông C tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đương sự không kê khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do là ông bà không có sự tin tưởng tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, hay ghen tuông vô cớ, việc này đã được chính quyền địa phương ban tự quản thôn A, xã C xác nhận. Thể hiện hôn nhân của ông C và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là có căn cứ, phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông C, bà T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị B, sinh năm: 1995; cháu Nguyễn Văn N, sinh năm: 1996 và cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày: 28/02/2005. Hiện nay cháu B, cháu N đã trưởng thành nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu L thì bà T và ông C đều thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Thỏa thuận này của ông C, bà T là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C, bà T thỏa thuận ông C có trách nhiệm trợ cấp mỗi tháng 1.000.000đồng để bà T nuôi dưỡng con chung đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày và trong quá trình làm việc tại tòa án bà Nguyễn Thị T thống nhất ông bà tự thỏa thuận với nhau nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5, điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 150.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5; điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 28/02/2005 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trợ cấp mỗi tháng 1.000.000đồng để bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cháu L đến khi đủ 18 tuổi.

Thời gian trợ cấp tính từ tháng 10 năm 2017 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002836 ngày 19/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, ông Nguyễn Văn C còn phải nộp 150.000đồng tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện EK;
- Chi cục THADS huyện EK;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyên